

*

Số: 50 -KH/ĐU

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030, năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/ĐH ngày 30/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 31/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Đề án số 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai về ban hành 17 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 49/KH-ĐU ngày 27/02/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh Lào Cai về thực hiện Đề án 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững, giai đoạn 2026-2030,

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 13 về Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030, năm 2026 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện Đề án số 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Đề án 13) năm 2026.

Quản lý chặt chẽ, đồng bộ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, khoa học và có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản, môi trường; khai thác tối đa giá trị của quỹ đất công và tài sản công, chuyển đổi thành nguồn lực cho sự phát triển bền vững, đồng thời sắp xếp, xử lý có hiệu quả tài sản công khi triển khai chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phát triển sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát

triển bền vững theo hướng kinh tế tuần hoàn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động, tích cực triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án 13 năm 2026 theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 13 năm 2026 đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 13.

II. MỤC TIÊU

1. Tài nguyên đất đai

- Hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với 27 xã chưa được đo đạc bản đồ địa chính; rà soát xây dựng kế hoạch, đề xuất chủ trương thực hiện đo đạc chỉnh lý 61/72 xã, phường; xây dựng, cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Lào Cai.

- Tiếp tục triển khai Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Trong đó tập trung rà soát, xác định rõ diện tích các công ty lâm nghiệp, các ban quản lý rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên đã được giao đất nhưng chưa lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, phê duyệt phương án sử dụng đất diện tích giữ lại quản lý, sử dụng, diện tích đất rừng do UBND cấp xã, cộng đồng dân cư quản lý theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Thực hiện đăng ký đất đai lần đầu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu về tài sản công.
- Thu ngân sách từ sử dụng đất đạt 10.000 tỷ đồng trở lên.

2. Tài nguyên nước

- Tỷ lệ công trình khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng phải quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến được quan trắc, giám sát theo quy định đạt 60%.

- Tỷ lệ các nguồn nước phải cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước được thực hiện cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước đạt 20%.
- Tổ chức thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước toàn tỉnh.
- Thu ngân sách từ tài nguyên nước: 2.000 tỷ đồng.

3. Tài nguyên khoáng sản

- Thực hiện thăm dò, cấp phép khai thác gắn với các dự án chế biến sâu tạo ra sản phẩm cuối cùng; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng hiệu quả khai thác, sử dụng tiết kiệm khoáng sản, bảo vệ môi trường.

- Quản lý chặt chẽ các loại khoáng sản quan trọng có giá trị kinh tế cao, xây dựng danh mục dự án quan trọng, dự án ưu tiên đầu tư để thăm dò, khai thác: Đất hiếm, Apatit, đồng, sắt, graphit,... kết hợp việc thu hồi khoáng sản đi kèm nhằm khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm; tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải trong khai thác, chế biến khoáng sản để khai thác giá trị tài nguyên, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm hoạt động khai thác khoáng sản được thực hiện đúng nội dung, công suất và sản lượng ghi trong giấy phép.

- Đảm bảo nhu cầu nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường phục vụ cho các dự án đầu tư công, công trình trọng điểm và nhu cầu dân sinh.

- Thu ngân sách từ tài nguyên khoáng sản: 3.250 tỷ đồng.

4. Bảo vệ môi trường

- 91% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý; 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý; 86% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 5/12 khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 50% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 22%.

- Lồng ghép chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường đầu tư trang thiết bị trong dự báo, cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu trong việc tính toán dự báo, cảnh báo, mưa lũ, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cho cả vùng hoặc các khu vực lân cận. Đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão lũ, ngập lụt, các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, hạn hán, rét đậm, rét hại... làm cơ sở thành lập bản đồ phân vùng cảnh báo thiên tai tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết tại phụ biểu 01 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tài nguyên đất đai

Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đáp ứng được tốc độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nâng cao khả năng dự báo và tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất. Đảm bảo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất hợp lý để khai thác tối đa tiềm năng đất đai cho từng địa phương, từng giai đoạn phát triển, đồng thời đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch chuyên ngành. Đảm bảo hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

Kịp thời kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, báo cáo cơ quan cấp trên trong trường hợp vượt thẩm quyền.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả các quỹ đất để thực hiện dự án phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, trung tâm logistics, hình thành các vùng sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất đai góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Rà soát, phân loại, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản công để khai thác, thu hút đầu tư theo đúng quy định pháp luật; hoàn thiện phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, xử lý tài sản công đảm bảo không gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước.

Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với 27 xã chưa được đo đạc bản đồ địa chính; đo đạc diện tích đất các công ty nông, lâm nghiệp, các ban Quản lý rừng bản giao về cho địa phương quản lý, lập và phê duyệt phương án sử dụng đất; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Tài nguyên nước

Phê duyệt Kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; Hoàn thành cấm mốc và giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, bảo vệ đạt 20% tỷ lệ nguồn nước phải cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

Triển khai nhiệm vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai: Năm 2026 hoàn thành giai đoạn xây dựng và phê duyệt đề cương dự toán, khảo sát thu thập số liệu ...

Tổ chức quan trắc, công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn năm 2026.

Xây dựng, nâng cấp hệ thống trạm quan trắc tài nguyên nước trên các suối: năm 2026 thực hiện xây dựng trạm quan trắc tài nguyên nước trên suối Ngòi Bo (*xã Gia Phú*), Ngòi Nhù (*xã Tăng Loóng*).

3. Tài nguyên khoáng sản

Thực hiện rà soát, khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn phê duyệt theo quy định.

Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tham mưu tổ chức thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV.

Ban hành Quyết định việc hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Rà soát và tổ chức triển khai thực hiện đấu giá các khu vực mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của tỉnh, hạn chế cấp phép khoáng sản không thông qua đấu giá.

Cấp phép hoạt động khoáng sản, đặc biệt những nhóm loại khoáng sản quan trọng như đồng, apatit, sắt, graphit, đá vôi trắng... phải gắn với dự án chế biến sâu khoáng sản, ưu tiên các dự án chế biến tạo ra sản phẩm cuối cùng.

Thực hiện xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo Luật Địa chất và khoáng sản 2024 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

Rà soát nguồn nguyên liệu và thực hiện việc cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng việc thực hiện dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng; dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái – Lào Cai thuộc tuyến đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai...

4. Bảo vệ môi trường

Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cấp tỉnh.

Đầu tư, nâng cấp năng lực quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường bằng hệ thống quan trắc không khí xung quanh tại khu công nghiệp, đô thị trung tâm (*đầu tư bổ sung 01 hệ thống quan trắc tự động, liên tục không khí tại phường Yên Bái*) và hệ thống quan trắc nước mặt xuyên biên giới, chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường, sự cố chất thải.

Rà soát, xem xét đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc đã quá tải, xuống cấp để đảm bảo việc xử lý nước thải y tế đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại ở các doanh nghiệp, khu, cụm công nghiệp, quản lý chặt từ chủ nguồn thải đến đơn vị thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý... Nghiên cứu xây dựng và phát triển các cơ sở xử lý chất thải nguy hại theo hướng tập trung, quy mô lớn với công nghệ hiện đại. Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Tăng Loỏng đi vào hoạt động trong năm 2026.

Đầu tư xây dựng khoảng 12 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến nhằm xử lý rác thải, chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; hạn chế chôn lấp trực tiếp rác thải; đóng cửa khoảng 11 bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh; Đầu tư, bổ sung trang thiết bị thu gom, phân loại, xử lý và hệ thống trạm trung chuyển, vận chuyển chất thải; mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn.

Nghiên cứu đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại khu vực phường Yên Bái và các khu công nghiệp hiện hữu trên địa bàn tỉnh (*03 khu công nghiệp đang hoạt động gồm: phía Nam, Âu Lâu và Minh Quân*). Triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung đối với những khu vực chưa có điều kiện thu gom. Khuyến khích các cơ sở sản xuất tái sử dụng nước thải sau xử lý, bùn thải.

Bước đầu triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi khu công nghiệp Tăng Loỏng sang mô hình khu công nghiệp sinh thái: rà soát, di dời các hộ dân có đất sản xuất

nằm trong phạm vi, ranh giới quy hoạch khu công nghiệp Tăng Loong; đầu tư hạ tầng đường giao thông, hạ tầng thu gom nước thải và phân tách nước thải, nước mặt trong phạm vi khu công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên nhằm mục tiêu hướng tới sản xuất, kinh doanh tuần hoàn theo khuôn khổ Đề án được phê duyệt.

Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua việc phân loại nguy cơ và quản lý bằng giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường và quy chuẩn kỹ thuật. Ưu tiên sàng lọc dự án đầu tư, khuyến khích áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường (*như đồng xử lý, thu hồi năng lượng*), đồng thời ngăn chặn triệt để công nghệ cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp tái chế hiện đại, không hình thành các cơ sở, làng nghề tái chế thủ công nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh. Tăng cường vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, xoá bỏ hủ tục, khuyến khích thực hiện hoá táng trong Nhân dân.

Lồng ghép chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm soát các cơ sở có nguồn khí thải lớn thông qua việc kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn nhằm thực hiện các cam kết Quốc tế của Việt Nam về biến đổi khí hậu. Tăng cường các giải pháp cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

Điều tra, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, áp thấp nhiệt đới, bão lũ, ngập lụt, các hiện tượng thời tiết cực đoan trên địa bàn toàn tỉnh. Đầu tư, nâng cấp các trạm quan trắc khí tượng thủy văn, đặc biệt là các trạm tự động, nhằm thu thập dữ liệu đầy đủ, liên tục và theo thời gian thực. Duy trì vận hành đồng bộ hệ thống các công trình cảnh báo khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai, đảm bảo cung cấp thông tin số liệu hỗ trợ các hoạt động quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai, khoáng sản, nước, môi trường thuộc thẩm quyền theo phân cấp, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và quy định của pháp luật (*đặc biệt là Luật Đất đai, Luật Địa chất và Khoáng sản*); đồng thời kiến nghị, đề xuất với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp tục sửa đổi, điều chỉnh, thay thế những nội dung, quy định pháp luật còn bất cập, chồng chéo, chưa thống nhất.

2. Lồng ghép các định hướng về quản lý tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp, các ngành, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính; siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong thực hiện chế độ công vụ, công chức; rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính; không phát sinh thêm hồ sơ, các loại giấy tờ không đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

4. Tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy, cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng. Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt tập huấn hỗ trợ chuyên môn sâu cho cấp xã sau hợp nhất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

5. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất, nước, khoáng sản, môi trường; chú trọng công tác hậu kiểm trong hoạt động khai thác khoáng sản, môi trường, sử dụng nước và đất; xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cấp, các ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước để xảy ra vi phạm mà không được xử lý kịp thời.

6. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, xã hội hoá. Kết hợp nguồn lực từ ngân sách nhà nước với đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn ưu đãi cho công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Mời gọi, thu hút các nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thực hiện thủ tục đầu tư và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các khu đất có lợi thế về vị trí để thu hút nhà đầu tư theo hình thức đấu giá, đấu thầu dự án đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư. Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hóa, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn và rác thải sinh hoạt. Ưu tiên được dành cho các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng. Tăng cường hợp tác công tư, cải cách thủ tục hành chính, tạo dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, qua đó thu hút hiệu quả hơn các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực môi trường.

7. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, nước, môi trường (*đặc biệt hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia*) phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ viễn thám và các công nghệ hiện đại, tự động hoá trong quản lý, giám sát tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường và dự báo thiên tai. Đồng bộ hệ thống phần mềm quản lý tài sản công có kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia. Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh.

8. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quản lý, kiểm soát hoạt động khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao vai trò, hiệu quả công tác phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế, phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan.

V. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Nhu cầu vốn thực hiện Đề án 13 năm 2026: 2.033,4 tỷ đồng.

2. Cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện Đề án 13:

2.1. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình dự án thuộc lĩnh vực đất đai, nước, khoáng sản, môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 334,6 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách địa phương: 1.240,1 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách sự nghiệp địa phương: 325,7 tỷ đồng.

2.2. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường: 133 tỷ đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu 02 kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện tốt những nội dung sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Đề án 13 năm 2026 bảo đảm khả thi, thiết thực, hiệu quả; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong quá trình chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; tham mưu, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án theo quy định.

Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc, thực hiện Kế hoạch. Xây dựng các dự án trọng tâm thực hiện Đề án 13 trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện. Kiểm tra đánh giá, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổng hợp nhu cầu vốn; cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước và huy động lồng ghép từ các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, đề án bảo đảm mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Sở Công Thương

Chủ trì tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên - nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp, góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phối hợp với UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đôn đốc chủ đầu tư các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất đang hoạt động trong các cụm công nghiệp phải hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên

quan hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở, doanh nghiệp đưa các sản phẩm truyền thống của địa phương được sản xuất từ các vật liệu thân thiện với môi trường.

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc quản lý, giám sát việc vận hành, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, cung cấp các thông tin về quy hoạch chuyên ngành, phối hợp trong việc xem xét hồ sơ đề nghị khai thác nước mặt của các công trình đập, hồ chứa thủy điện và việc vận hành, khai thác sử dụng nước của các công trình thủy điện đảm bảo việc phát triển thủy điện bền vững, đảm bảo hài hòa, chia sẻ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản sau khi được phê duyệt theo thẩm quyền; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh lao động trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh (*trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng*) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn; tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất, kinh doanh khoáng sản; các điểm khai thác, vận chuyển, chế biến, các bãi tập kết, mua bán khoáng sản nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng sản xuất, kinh doanh khoáng sản trái phép.

4. Sở Xây dựng

Triển khai chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc tham mưu, giúp UBND tỉnh lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng thông thường, bao gồm cả phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản này trong quy hoạch tỉnh, quản lý nhà nước về xây dựng và liên quan đến vật liệu xây dựng, đảm bảo khai thác hiệu quả và bền vững.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản, chế biến khoáng làm vật liệu xây dựng và vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm xi măng theo quy định của Luật Xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; kiểm tra việc thực hiện thiết kế trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh.

Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Nghiên cứu, đề xuất xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu vực trọng điểm như khu vực Thành phố Yên Bái (cũ), thị xã Nghĩa Lộ (cũ), khu vực phường Cam Đường...

Lồng ghép quy hoạch xây dựng với các mục tiêu quốc gia về chống biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh; sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả,... tạo điều kiện để quy hoạch xây dựng có tính chất đa mục tiêu, huy động các nguồn lực, thành phần tham gia thực hiện quy hoạch xây dựng.

5. Sở Y tế

Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở y tế trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế, lập kế hoạch quản lý chất thải y tế, rà soát, hoàn thiện đầy đủ thực tục pháp lý về môi trường theo quy định.

Đánh giá thực trạng hệ thống xử lý nước thải y tế. Trường hợp chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc hệ thống đã quá tải, xuống cấp, phải lập phương án khắc phục và báo cáo nhu cầu kinh phí để đầu tư mới hoặc cải tạo, nâng cấp đảm bảo việc xử lý nước thải y tế đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

Tăng cường quản lý, quan trắc, giám sát vận hành công trình/hệ thống xử lý nước thải y tế, công trình/thiết bị xử lý chất thải rắn y tế và nước thải y tế, chất thải y tế sau xử lý theo quy định.

Thường xuyên tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại đơn vị, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp

Rà soát, đôn đốc, hướng dẫn các dự án, cơ sở trong khu công nghiệp, khu kinh tế hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở trong khu công nghiệp, khu kinh tế trong đó tập trung vào các điểm nóng, các doanh nghiệp có ngành nghề nhạy cảm về môi trường, các dự án/cơ sở có nguồn thải, công suất xả thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm cao; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Huy động các nguồn lực từng bước đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi KCN Tăng Loong sang mô hình KCN sinh thái; Thường xuyên tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất các khó khăn, vướng mắc để được chỉ đạo giải quyết.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của các khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thuế tỉnh Lào Cai: Phối hợp cung cấp thông tin số thu ngân sách từ lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh định kỳ theo tháng, quý, năm để hoàn thiện các báo cáo định kỳ tình hình thực hiện các mục tiêu của Đề án.

8. Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên

quan xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả; kịp thời xây dựng hoặc lồng ghép điều chỉnh việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này trong các quy hoạch, kế hoạch ngành và chương trình công tác, kế hoạch, giải pháp của đơn vị, địa phương phù hợp với thực tế và đảm bảo thực hiện hiệu quả.

Ưu tiên bố trí nguồn lực và chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch, bảo đảm tiến độ và chất lượng.

Đề xuất, tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Rà soát, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện theo từng quý. Dự thảo báo cáo gửi về Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 20 của các tháng cuối quý** (*tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12*).

2. Các sở, ban, ngành; các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 13 của các tháng cuối quý** (*tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12*).

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để xem xét, tham mưu, giải quyết kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Tỉnh ủy Lào Cai;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Đảng ủy và UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT (*Oanh, Quyết*).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Hữu Long

**PHỤ LỤC: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 13 TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC
CÓ HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN ĐẤT, NƯỚC, KHOÁNG SẢN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GẮN
VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số: -KH/ĐU ngày tháng năm 2026 của Đảng ủy UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nhiệm vụ	Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo	Cơ quan trực tiếp chỉ đạo	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
I	TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI				
1	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan
2	Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chính quyền địa phương có trách nhiệm kịp thời kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, báo cáo cơ quan cấp trên trong trường hợp vượt thẩm quyền.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	UBND cấp xã	Sở NN&MT, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan
3	Thu hút các nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào tỉnh Lào Cai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thực hiện thủ tục đầu tư và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các khu đất có lợi thế về vị trí để thu hút nhà đầu tư theo hình thức đấu giá, đấu thầu dự án đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT, UBND cấp xã	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan

4	Khai thác, sử dụng có hiệu quả các quỹ đất công, các quỹ đất để thực hiện dự án phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, trung tâm logistics, hình thành các vùng sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tạo chuyên biên tích cực trong quản lý, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất đai góp phần phát triển kinh tế xã hội.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT, UBND cấp xã theo thẩm quyền	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan
5	Rà soát, phân loại, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản công để khai thác, thu hút đầu tư theo đúng quy định pháp luật; hoàn thiện phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, xử lý tài sản công đảm bảo không gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT, UBND cấp xã theo thẩm quyền	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan
6	Hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, về đất công và tài sản công, về đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp				
6.1	Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với 27 xã chưa được đo đạc bản đồ địa chính.				
-	Đo đạc bản đồ địa chính	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Sở Tài chính; UBND cấp xã
6.2	Đo đạc lại đối với diện tích đất lâm nghiệp của các hộ gia đình cá nhân gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu				

-	Đo đạc bản đồ địa chính	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Sở Tài chính; UBND cấp xã
II	TÀI NGUYÊN NƯỚC				
1	Đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, nguồn nước mặt, nước dưới đất; phân loại nguồn nước theo mức độ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
2	Thực hiện việc điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh ở những vùng, khu vực nước dưới đất có tiềm năng lớn, là đối tượng khai thác chủ yếu để cấp nước cho sinh hoạt, các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, các đô thị, khu dân cư tập trung (nếu có)	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
3	Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
4	Điều tra cơ bản, lập hành lang, cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông Hồng, sông Chảy chảy qua địa phận tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan

5	Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
6	Tăng cường năng lực hạ tầng cung cấp nước sạch cho khu dân cư, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
7	Bảo vệ, duy trì, nâng cấp các hồ trong đô thị, khu dân cư chống ngập đô thị, tạo cảnh quan sinh thái..., như hồ Yên Hòa, hồ Km5, hồ Công viên Nhạc Sơn...	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
8	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, kè chống sạt lở bờ sông suối (<i>sông Hồng, sông Chảy, suối Ngòi Bò, suối Nung, suối Thia...</i>)	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
III	TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN				
1	Thực hiện rà soát, khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn phê duyệt theo quy định.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan

2	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
3	Ban hành Quyết định việc hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
4	Rà soát và tổ chức triển khai thực hiện đấu giá các khu vực mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của tỉnh, hạn chế cấp phép khoáng sản không thông qua đấu giá.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
5	Cấp phép hoạt động khoáng sản, đặc biệt những nhóm loại khoáng sản quan trọng như đồng, apatit, sắt, graphit, đá vôi trắng... phải gắn với dự án chế biến sâu khoáng sản, ưu tiên các dự án chế biến tạo ra sản phẩm cuối cùng	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
6	Rà soát nguồn nguyên liệu và thực hiện việc cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng việc thực hiện dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh: đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và dự án đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai theo Nghị quyết 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan

	hội khoá XV.				
7	Thực hiện xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo Luật Địa chất và khoáng sản 2024 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
8	Xây dựng Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản là hợp phần trong phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định. Đẩy mạnh khai thác, chế biến khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình chế biến sâu; thực hiện nghiêm túc các quy định về cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan
IV	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				
1	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cấp tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan
2	Đầu tư, nâng cấp năng lực quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường bằng hệ thống quan trắc không khí xung quanh tại khu công nghiệp, đô thị trung tâm (<i>đầu tư bổ</i>	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan

	<i>sung 02 hệ thống quan trắc tự động, liên tục không khí tại khu đô thị trung tâm của tỉnh)</i> và hệ thống quan trắc nước mặt xuyên biên giới, chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường, sự cố chất thải				
3	Rà soát, xem xét đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc đã quá tải, xuống cấp để đảm bảo việc xử lý nước thải y tế đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan
4	Đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại ở các doanh nghiệp, khu, cụm công nghiệp, quản lý chặt từ chủ nguồn thải đến đơn vị thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý...	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan
5	Nghiên cứu xây dựng và phát triển các cơ sở xử lý chất thải nguy hại theo hướng tập trung, quy mô lớn với công nghệ hiện đại. Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Tăng Loong đi vào hoạt động trong năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Ban Quản lý các KCN, Bản Quản lý Khu kinh tế	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan
6	Đầu tư xây dựng khoảng 12 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến nhằm xử lý rác thải, chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; hạn chế chôn lấp trực tiếp rác	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Ban quản lý đầu tư xây dựng tỉnh; Ban quản lý đầu tư khu vực Trấn Yên, Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Xây dựng và các cơ

	thải; đóng cửa khoảng 11 bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh. Đầu tư, bổ sung trang thiết bị thu gom, phân loại, xử lý và hệ thống trạm trung chuyển, vận chuyển chất thải; mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đặc biệt ở khu vực nông thôn.			Bình, Văn Chấn; UBND các xã; Doanh nghiệp thực hiện dịch vụ thu gom, xử lý CTRSH	quan liên quan
7	Nghiên cứu đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại khu vực phường Yên Bái	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan
8	Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại 03 khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Ban Quản lý các KCN, Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ đầu tư hạ tầng các KCN	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan
9	Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi khu công nghiệp Tăng Loong sang mô hình khu công nghiệp sinh thái	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các Sở, ban, ngành; các doanh nghiệp trong KCN và cơ quan, đơn vị liên quan
10	Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua việc phân loại nguy cơ và quản lý bằng giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường và quy chuẩn kỹ thuật	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan
11	Lồng ghép chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm soát các cơ sở có nguồn khí thải lớn	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan

	thông qua việc kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn nhằm thực hiện các cam kết Quốc tế của Việt Nam về biến đổi khí hậu. Tăng cường các giải pháp cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.				
12	Điều tra, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, áp thấp nhiệt đới, bão lũ, ngập lụt, các hiện tượng thời tiết cực đoan trên địa bàn toàn tỉnh. Đầu tư, nâng cấp các trạm quan trắc khí tượng thủy văn, đặc biệt là các trạm tự động, nhằm thu thập dữ liệu đầy đủ, liên tục và theo thời gian thực. Duy trì vận hành đồng bộ hệ thống các công trình cảnh báo khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai, đảm bảo cung cấp thông tin số liệu hỗ trợ các hoạt động quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở NN&MT	Các Sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan